Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber

Mã số thuế: 0102970695

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B01 - CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Qúy I năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	1/1/2025
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**61,217,418,743**	**57,937,320,474**
I. Tiền và tương đương tiền	**110**	01	**2,002,832,612**	**2,513,344,168**
1. Tiền	111		1,402,832,612	1,013,344,168
2. Các khoản tương đương tiền	112		600,000,000	1,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**50,062,344,400**	**46,625,339,200**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	02	52,582,964,915	52,382,964,915
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	03	(2,520,620,515)	(5,757,625,715)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**8,790,212,344**	**7,905,444,107**
1. Phải thu của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		273	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	04	8,900,787,375	8,035,229,612
5. Các khoản phải thu khác	135	05	229,424,696	210,214,495
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(340,000,000)	(340,000,000)
IV. Hàng tồn kho	**140**			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**362,029,387**	**893,192,999**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	06	222,544,252	302,198,160
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	581,494,839
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	07	139,485,135	9,500,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	**200**		**2,171,185,497**	**2,384,390,008**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
II. Tài sản cố định	**220**		**1,729,933,727**	**1,955,929,967**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	08	**291,520,158**	**336,150,456**
- Nguyên giá	222		1,016,132,536	1,016,132,536
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(724,612,378)	(679,982,080)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	1/1/2025
1	2	3	4	5
3. Tài sản cố định vô hình	227	08	**1,438,413,569**	**1,619,779,511**
- Nguyên giá	228		3,565,000,000	3,565,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,126,586,431)	(1,945,220,489)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**441,251,770**	**428,460,041**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		64,511,770	51,720,041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	09	376,740,000	376,740,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**63,388,604,240**	**60,321,710,482**
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1,473,421,495**	**1,488,081,707**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1,473,421,495**	**1,488,081,707**
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	10	1,014,468,692	456,934,118
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	439,606,290	55,260,975
5. Phải trả người lao động	315	12	3,857,004	948,433,833
6. Chi phí phải trả	316		15,489,509	27,452,781
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
9.Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**61,915,182,745**	**58,833,628,775**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8,084,817,255)	(11,166,371,225)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**63,388,604,240**	**60,321,710,482**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	1/1/2025
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Vật tư , chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận ký cược	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		22,300,240,000	22,300,240,000
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006			
Trong đó				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		38,269,120,000	38,269,120,000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		5,109,105,600	7,409,105,600
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		2,535,432,039	12,452,628,306
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2,535,432,039	12,452,628,306
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		3,906,121,931,829	3,864,825,752,330
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		3,906,121,931,829	3,864,825,752,330
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		106,994,716,426.00	96,344,110,807.00
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		1,517,202,320	1,514,344,936

Ghi chú:

- Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại " Mã số".

- Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Thái Anh Hưng	KẾ TOÁN TRƯỞNG Nguyễn Thị Ngàn	TỔNG GIÁM ĐỐC Tăng Minh Vương

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber **Mẫu số 03-CTQ**

Mã số thuế: 0102970695

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Qúy I năm 2025

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2025	Quý 4/2024
A	B	C	1	2
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,163,432,528	3,406,566,860
2 Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(476,600,144)	(2,367,186,845)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,862,665,686)	(940,276,093)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(162,154,371)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		118,022,940	414,097,490
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(299,068,943)	(174,378,065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(356,879,305)**	**176,668,976**
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3 Tiền chi cho vay , mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,500,000,000)	(3,900,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,300,000,000	5,600,000,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác	26		30,900,000	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15,467,749	29,810,335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(153,632,251)**	**1,729,810,335**
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3 Tiền thu từ nợ vay	33			
4 Tiền trả nợ gốc vay	34			
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**(510,511,556)**	**1,906,479,311**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2025	Quý 4/2024
A	B	C	1	2
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**2,513,344,168**	**606,864,857**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (50+/-60)	**70**		**2,002,832,612**	**2,513,344,168**

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Thái Anh Hưng	KẾ TOÁN TRƯỞNG Nguyễn Thị Ngàn	TỔNG GIÁM ĐỐC Tăng Minh Vương

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102970695, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER, S=Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.04.18 18:14:28+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.3.0

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber

Mã số thuế: 0102970695

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số 02-CTQ

Ban hành theo QĐ số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Qúy I năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Qúy I/2025	Quý I/2024	Lũy Kế từ đầu năm đến Quý I/2025	Lũy Kế từ đầu năm đến Quý I/2024
A	B		1			
1. Doanh thu	01	13	3,028,990,291	2,863,830,444	3,028,990,291	2,863,830,444
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10= 01 - 02)	10		3,028,990,291	2,863,830,444	3,028,990,291	2,863,830,444
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn h	11		157,346,150		157,346,150	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		2,871,644,141	2,863,830,444	2,871,644,141	2,863,830,444
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	110,163,641	164,578,543	110,163,641	164,578,543
7. Chi phí tài chính	22		(3,233,231,356)	1,819,943	(3,233,231,356)	1,819,943
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	2,363,924,430	1,899,395,715	2,363,924,430	1,899,395,715
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		3,851,114,708	1,127,193,329	3,851,114,708	1,127,193,329
10. Thu nhập khác	31		16,815,504	19,743,232	16,815,504	19,743,232
11. Chi phí khác	32		12,650,000		12,650,000	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4,165,504	19,743,232	4,165,504	19,743,232
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,855,280,212	1,146,936,561	3,855,280,212	1,146,936,561
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		773,726,242	229,387,312	773,726,242	229,387,312
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51 -	60		3,081,553,970	917,549,249	3,081,553,970	917,549,249
16. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		440	131	440	131

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Thái Anh Hưng	KẾ TOÁN TRƯỞNG Nguyễn Thị Ngàn	TỔNG GIÁM ĐỐ Tăng Minh Vu

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER

...ần Quản Lý Quỹ Amber

... số thuế: 0102970695

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Qúy I năm 2025

I- Đặc điểm hoạt động của công ty

1 - Hình thức sở hữu vốn:

Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 22/03/2017
Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 30/01/2018
Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2018
Giấy phép điều chỉnh số 70/GPĐC-UBCK ngày 25/11/2019
Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022

2 - Lĩnh vực hoạt động: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo giấy phép đầu tư

3. Ngành nghề kinh doanh : Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;Cty đầu tư chứng khoán ; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

4- Tổng số nhân viên:

(1) Trong đó:

Nhân viên hiện tại: 20

(2) Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số giấy phép	Ngày cấp
	Tăng Minh Vương	**Tổng Giám Đốc**	001856/QLQ	28/11/2019
1	Doãn Hồ Lan	**Cố Vấn HĐQT**	001832/QLQ	29/08/2019
2	Lê Mạnh Linh	**Người điều hành quỹ**	001819/QLQ	6/8/2019
3	Nguyễn Thanh Hiếu	**Phó Tổng Giám đốc**	001649/QLQ	26/01/2018
4	Lê Đức Mạnh	**Nhân viên**	001851/QLQ	28/11/2019
5	Đặng Thị Minh Tâm	**Nhân viên**	001854/QLQ	28/11/2019
6	Bùi Tuấn Anh	**Nhân viên**	001943/QLQ	20/10/2020

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01 /01 kết thúc vào ngày 31/12).

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND (Việt Nam Đồng)

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng : Các báo báo tài chính được lập theo quyết định số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011, chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ Thống Kế Toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được áp dụng phổ biến tại Việt Nam.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành

3- Hình thức kế toán áp dụng : Áp dụng theo hình thức Nhật ký chung

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng chuyển đổi dễ dàng

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán : theo tỷ giá của ngày kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

(a) Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và Tài sản cố định thuê tài chính: được ghi nhận nguyên giá theo giá trrị hợp lý hoặc giá trị hiên tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (bao gồm

(b) Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, thuê tài chính:

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỉ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/203/QĐ-BTC

3-Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Đầu tư ngắn hạn bao gồm sở hữu các cổ phiếu niêm yết và không niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác mà có thể thực hiện và có ý định

Đầu tư dài hạn liên quan đến các chứng khoán và trái phiếu chính phủ mà Công ty có ý định nắm giữ hơn một năm.

- Các khoản đầu tư chứng khoán;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.
7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.
8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
- Doanh thu hoạt động nghiệp vụ;
- Doanh thu hoạt động tài chính.
9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.
10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
11- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(Đơn vị tính: đồng)	31/03/2025	1/1/2025
01 - Tiền		
- Tiền mặt	1,402,832,612	1,013,344,168
- Tiền gửi Ngân hàng	600,000,000	1,500,000,000
Cộng	**2,002,832,612**	**2,513,344,168**

02 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3/31/2025		1/1/2025	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	5	5,800,000,000	3	3,300,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng				
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro)				
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết danh mục trái phiếu bị giảm giá/rủi ro)				
- Chứng chỉ quỹ (chi tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro)	510,910.56	6,010,000,000	510,910.56	6,010,000,000
- Chứng chỉ tiền gửi			2,300	2,300,000,000
- Chứng khoán khác (chi tiết danh mục chứng khoán khác bị giảm giá/rủi ro)	3,826,912	40,772,964,915	3,826,912	40,772,964,915
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				
Tổng cộng		**52,582,964,915**		**52,382,964,915**

03 - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	**31/03/2025**	**1/1/2025**
- Cổ phiếu niêm yết	(2,520,620,515)	(5,757,625,715)

04 - Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ	**31/03/2025**	**1/1/2025**
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	**7,539,525,355**	**6,768,950,761**
+ Quỹ đầu tư tài chính AFM	*3,367,100,832*	3,140,781,189
+ Quỹ Đầu tư Công nghệ Amber	*2,422,783,702*	2,191,083,743
+ Quỹ Đầu tư Năng lượng mới AFM	*1,709,977,675*	1,399,863,607
+ Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber	*39,663,146*	37,222,222
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	**1,331,862,020**	**1,266,278,851**
+ Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu từ (Công ty CP Đầu tư Xuân Phú Hải)		239,342,466
+ Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu từ (Công ty CP Đầu tư VAM)	*664,880,849*	634,186,877
+ Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu từ (các đối tượng còn lại)	*666,981,171*	392,749,508
- Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	29,400,000	
Cộng	**8,900,787,375**	**8,035,229,612**

05 - Các khoản phải thu khác	**31/03/2025**	**1/1/2025**

- Lãi dự thu từ lãi HĐTG, CCTG	112,192,330		92,966,576
- Thuế TNCN phải thu của Nhà đầu tư	112,306,929		108,444,582
- Phải thu khác	4,925,437		8,803,337
Cộng	**229,424,696**	-	**210,214,495**

06 - Chi phí trả trước ngắn hạn	**31/03/2025**		**1/1/2025**
- Chi phí còn lại của công cụ, vật dụng văn phòng	2,705,152		6,088,632
- Chi phí thuê văn phòng	188,213,025		181,354,028
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31,626,075		114,755,500
Cộng	**222,544,252**	-	**302,198,160**

07 - Tài sản ngắn hạn khác	**31/03/2025**		**1/1/2025**
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược	10,000,000		5,000,000
- Tạm ứng	129,485,135		4,500,000
- Phải thu khác			
Cộng	**139,485,135**	-	**9,500,000**

08 - Tăng, giảm tài sản cố định:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Chương trình, phần mềm	TSCĐ hữu hình khác
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ		1,016,132,536	-	3,390,000,000	-
- Mua trong kỳ	-		-	175,000,000	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1,016,132,536	-	3,565,000,000	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ		679,982,080	0	1,945,220,489	
- Khấu hao trong kỳ	-	44,630,298	-	181,365,942	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	**724,612,378**	-	**2,126,586,431**	-
Giá trị còn lại của TSCĐ		-			-
- Tại ngày đầu kỳ	-	**336,150,456**		**1,619,779,511**	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	**291,520,158**	-	**1,438,413,569**	-

09 - Tài sản dài hạn khác:	**31/03/2025**	**1/1/2025**
- Đặt cọc thuê văn phòng	376,740,000	376,740,000
Cộng	**376,740,000**	**376,740,000**

10 - Phải trả người bán:	**31/03/2025**	**1/1/2025**
- Phải trả Công ty Cổ phần giải pháp phần mềm Tài chính	-	105,000,000
- Công ty Cổ phần Amber Capital	890,188,684	317,026,710
- Phải trả đối tượng khác	124,280,008	34,907,408
Cộng	**1,014,468,692**	**456,934,118**

11 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	**31/03/2025**	**1/1/2025**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	192,231,403	
- Thuế GTGT		
- Thuế thu nhập cá nhân	247,374,887	55,260,975
Cộng	**439,606,290**	**55,260,975**

12 - Phải trả người lao động	**31/03/2025**	**1/1/2025**
- Phải trả tiền lương, thưởng	3,857,004	948,433,833
Cộng	**3,857,004**	**948,433,833**

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị tính: VNĐ)

13. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)	**Từ 01/01/2025 tới 31/03/2025**	**Từ 01/01/2024 tới 31/03/2024**
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	881,224,303	909,839,397
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	2,094,865,988	1,875,664,132
+ Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	52,900,000	-
+ Doanh thu hoạt động khác	-	78,326,915
Cộng	**3,028,990,291**	**2,863,830,444**

14. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	**Từ 01/01/2025 tới 31/03/2025**	**Từ 01/01/2024 tới 31/03/2024**
- Lãi tiền gửi	101,467,303	35,657,754
- Lãi trái phiếu/Chứng chỉ tiền gửi	8,696,338	113,655,671
- Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	15,265,118
Cộng	**110,163,641**	**164,578,543**

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**Từ 01/01/2025 tới 31/03/2025**	**Từ 01/01/2024 tới 31/03/2024**
- Phí môi giới		
- Chi phí nhân viên quản lý	1,220,978,758	1,129,029,697
- Chi phí công cụ, dụng cụ	134,506,376	42,162,149
- Chi phí khấu hao	225,996,240	225,996,240
- Chi phí thuê VP	557,780,078	317,026,710
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	47,561,992	39,994,322
- Chi phí thuế phí, lệ phí	3,000,000	3,000,000
- Chi phí bằng tiền khác	174,100,986	142,186,597
Cộng	**2,363,924,430**	**1,899,395,715**

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám Đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Thái Anh Hưng	KẾ TOÁN TRƯỞNG Nguyễn Thị Ngàn	TỔNG GIÁM ĐỐC Trần Minh Vương

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER